

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm cho năm 2025 - 2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm cho năm 2025 - 2026 để phân bổ cho 34 các nhà máy nhiệt điện, 25 cơ sở sản xuất sắt thép, 51 cơ sở sản xuất xi măng như sau:

- Tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm cho năm 2025 là 243.082.392 tấn CO₂td.

- Tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm cho năm 2026 là 268.391.454 tấn CO₂td.

Điều 2. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng thí điểm phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho năm 2025 và năm 2026 cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng và hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định; tổ chức đánh giá, tổng kết quá trình thí điểm, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Điều 3. Giao Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo dõi, đánh giá việc thực hiện hạn ngạch của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch trong phạm vi quản lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, NN (2b)_{NXT}.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

Phụ lục
Đề xuất thí điểm phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các nhà máy nhiệt điện,
cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng cho năm 2025 - 2026
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị: tấn CO₂ tương đương

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
I	Các nhà máy nhiệt điện					
1	Công ty Nhiệt điện Na Dương	Khu 4, Xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn	0104297034-001	Phạm Đức Tuyên	1.035.566	1.134.493
2	Công ty Nhiệt điện Sơn Động Việt Nam	Tổ dân phố Đồng Rì, Xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh	0104297034-003	Dương Hồng Đường	2.032.458	2.226.618
3	Công ty Nhiệt điện Uông Bí	Khu 6, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	5701662152-010	Đỗ Trung Kiên	5.691.098	6.234.766
4	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Tổ 33, Khu 5, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh	5700434869	Nguyễn Việt Dũng	11.097.421	12.157.553
5	Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Số 1, đường Trần Quốc Tảng, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh	0104297034-008	Trần Văn Hoan	3.585.092	3.927.575
6	Công ty TNHH Điện Lực AES Mông Dương - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương II	Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh	5701384498	Oliver Robert Jean Marquette	12.190.431	13.354.978
7	Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV - Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê	Thôn Đồng Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh	0104297034-006	Nguyễn Đình Tuấn	4.436.759	4.860.601
8	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I - Công ty Nhiệt điện Mông Dương	Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh	3502208399-008	Nguyễn Hữu Tuấn	9.556.403	10.469.322
9	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Tổ dân phố 6, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng	0200493225	Dương Sơn Bá	10.239.469	11.217.642
10	Nhà máy Điện Nghi Sơn 1	Km 11, đường 513, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	5701662152-011	Võ Mạnh Hà	5.036.163	5.517.266
11	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	0102276173-007	Trịnh Bảo Ngọc	7.214.687	7.903.903
12	Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	KCN Nhơn Trạch III, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3600517557	Huang Chien Fu	2.558.365	2.802.764
13	Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 (Nhà máy nhiệt điện BOT Vĩnh Tân 1)	Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng	3401060812	Chen HongPeng	11.856.608	12.989.265

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
14	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh TNHH MTV Tổng công ty Phát điện 3 (Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2)	Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng	3502208399-007	Thiên Thanh Sơn	10.530.658	11.536.648
15	Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - 4 Mở rộng - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng	0100100079-088	Vũ Thanh Hải	8.528.067	9.342.750
16	Nhà máy Điện Diesel Phú Quý	Số 444 đường Võ Văn Kiệt, Đặc khu Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng	0300942001-012	Phan Sỹ Duy	21.460	23.510
17	Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 - Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3502208399-010	Trần Đình Ân	2.519.925	2.760.653
18	Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 mở rộng - Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3502208399-010	Trần Đình Ân	1.079.828	1.182.984
19	Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 - Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3502208399-010	Trần Đình Ân	876.004	959.689
20	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, TP. Hồ Chí Minh	3500701305	Lê Văn Huy	68.969	75.558
21	Nhà máy Điện An Hội	Đường Nguyễn Kim, khu 3, đặc khu Côn Đảo	0300942001-026	Nguyễn Văn Giáp	31.803	34.842
22	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	0102276173-003	Nguyễn Thanh Tùng	407.990	446.965
23	Nhà máy Nhiệt điện VEDAN	Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	3600239719	Yang Tou Hisung	512.653	561.627
24	Nhà máy Nhiệt điện Amata	Đường 3A, Khu công nghiệp Long Bình, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai	3600257958	Peradach Patanachan	89	97
25	Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2	Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	3600897316	Ngô Đức Nhân	1.617.372	1.771.879
26	Công ty Nhiệt điện Duyên Hải (Nhà máy Duyên Hải 1)	Ấp Mù U, phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long	5701662152-009	Ngô Văn Sỹ	9.663.688	10.586.856
27	Công ty Nhiệt điện Duyên Hải (Nhà máy Duyên Hải 3)	Ấp Mù U, phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long	5701662152-009	Ngô Văn Sỹ	3.623.243	3.969.369
28	Công ty Nhiệt điện Duyên Hải (Nhà máy Duyên Hải 3 MR)	Ấp Mù U, phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long	5701662152-009	Ngô Văn Sỹ	2.728.391	2.989.033

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
29	Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	3000437821	Chen, Chun-Liang	5.199.840	5.696.578
30	Công ty Điện lực dầu khí Cà Mau (Nhà máy điện Cà Mau 1)	Ấp 1, Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau	0102276173-002	Đoàn Công Đức	1.006.602	1.102.763
31	Công ty Điện lực dầu khí Cà Mau (Nhà máy điện Cà Mau 2)	Ấp 1, Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau	0102276173-002	Đoàn Công Đức	1.550.998	1.699.164
32	Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh	Tổ 22 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	4600421021	Nguyễn Văn Thắng	924.021	1.012.292
33	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	0104297034-002	Nguyễn Mạnh Cường	1.240.305	1.358.791
34	Ban điều hành Nhà máy điện Kiên Hải	Số 287, ấp 2, Hòn Tre, đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang	1700403486	Huỳnh Cao Phướng	5.539	6.068
II	Các cơ sở sản xuất sắt thép					
1	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai	5300232681	Ngô Sỹ Hiếu	255.476	297.830
2	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Số 52, phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	4800162247	Nguyễn Văn Phương	391.158	456.006
3	Công ty Cổ phần Luyện thép Việt Ý	Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng	0900222647-004	Yasuhiro Yonemura	33.053	38.533
4	Công ty Cổ phần Luyện thép cao cấp Việt Nhật	Lô CN 03 Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng	0201572208	Đặng Việt Bách	902	1.052
5	Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên	0900629369	Kiều Chí Công	2.406	2.804
6	Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	3000437821	Chen, Chun-Liang	13.666.930	15.932.703
7	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Khu công nghiệp Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	4300793861	Mai Văn Hà	11.218.848	13.078.765
8	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Km 9, đường Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0305409326	Hoàng Đức Hoa	12.842	14.971
9	Công ty TNHH Thép Tung Ho Việt Nam	Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3500791394	Hou, Wu-Sheng	52.001	60.622

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
10	Nhà máy Thép Pomina 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3500793105	Đỗ Văn Khánh	14.952	17.431
11	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3502269994	Nguyễn Nguyên Ngọc	46.390	54.081
12	Công ty TNHH Posco SS - Vina	Đường N1, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3501620257	Seo Kyeongcheol	50.549	58.930
13	Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	3500106761	Hidekazu Fukunishi	44.367	51.723
14	Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tuồng	Khu phố 3, phường Hòa Lợi, TP. Hồ Chí Minh	3700256179	Nguyễn Trần Quý	2.050	2.390
15	Công ty TNHH Thép Sa Mi Na	số 137C, khu B, Kp Tân Thắng, phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	3700598687	Phạm Hoàng Cung	265	310
16	Công ty Cổ phần Thép Tuệ Minh	Lô A5, đường D2, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	3701729269	Vũ Minh Tư	2.559	2.983
17	Công ty Cổ phần Sản xuất thép Vina One	Áp Voi Lá, xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh	1100549268	Huỳnh Nghĩa Thiện	246	287
18	Công ty TNHH MTV Thép VAS Nghi Sơn	Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2801115888	Nguyễn Bảo Giang	6.602	7.696
19	Công ty Cổ phần Cơ khí Gang thép	Tổ 13, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	4600479367	Bùi Thái Sơn	715	833
20	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng	0800384651	Đỗ Thị Thảo	4.494.856	5.240.036
21	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Tổ 13, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	4600100155	Nguyễn Minh Hạnh	487.238	568.015
22	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng	0400101549	Nguyễn Văn Dũng	11.961	13.944
23	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai	3600961762	Ngô Tiên Thọ	15.530	18.105
24	Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam	Khu công nghiệp Cầu Ngân, xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên	1000440676	Zhang Chun Tuan	2.893	3.372
25	Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên	Xóm Chí Sơn, Xã Nam Hòa, tỉnh Thái Nguyên	4600400261	Chu Phương Đông	236.403	275.595

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
III	Các cơ sở sản xuất xi măng					
1	Công ty Cổ phần Xi măng X18	Xóm Ba Cầu, Xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ	5400253188	Lê Ngọc Hùng	109.943	120.305
2	Nhà máy Xi măng Trung Sơn (Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Bình Minh)	Xóm Lộc Môn, xã Liên Sơn, tỉnh Phú Thọ	5400478632	Đỗ Trần Minh	648.135	709.220
3	Nhà máy Xi măng Vĩnh Sơn (Công ty TNHH Xi măng Vĩnh Sơn)	Km 439 đường Hồ Chí Minh, Xã Liên Sơn, tỉnh Phú Thọ	5400208756	Đỗ Quân	369.109	403.897
4	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	Tiểu khu 7, Xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La	5500230970	Mã Đề Thuận	359.956	393.882
5	Nhà máy Xi măng Điện Biên	Bản Na Hai, xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên	5600177368	Trần Khắc Đại	171.860	188.058
6	Nhà máy Xi măng Yên Bái, Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai	5200216647	Phạm Quang Phú	400.233	437.954
7	Nhà máy Xi măng Yên Bình, Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Tổ 3, Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai	5200213597	Mai Thế Loan	598.709	655.136
8	Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	Khu 12, Xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	2600116271	Trần Tuấn Đạt	126.022	137.899
9	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Sông Thao	Khu 9, Xã Hoàng Cương, tỉnh Phú Thọ	2600279082	Nguyễn Quang Huy	836.948	915.828
10	Nhà máy Xi măng Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Xi măng Tuyên Quang	Số 02, đường Kim Bình, xóm 1, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang	5000119170	Nguyễn Mạnh Danh	124.008	135.696
11	Nhà máy xi măng Tân Quang, Công ty Cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV	Xóm 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang	5000280116	Lê Danh Thắng	638.702	698.898
12	Nhà máy Sản xuất Xi măng Quán Triều, Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều	Xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên	4600409377	Trần Việt Cường	592.455	648.292
13	Nhà máy Sản xuất Xi măng La Hiên, Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên	4600422240	Trần Quang Khải	480.806	526.121
14	Nhà máy Sản xuất Xi măng Quang Sơn, Công ty Cổ phần Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, Xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	4600964966	Hà Quang Sáng	404.692	442.833
15	Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	Khu Cây Hồng, Xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	4900225282	Đỗ Cao Sơn	679.217	743.232
16	Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong	Thôn Tênh Chè, Xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn	4900102650	Trần Duyên Tùng	104.067	113.875

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
17	Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	5700804196	Nguyễn Thái Hưng	1.616.252	1.768.581
18	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, Nhà máy Xi măng Lam Thạch	Khu Hợp Thành, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	5700100263-013	Đặng Văn Học	933.095	1.021.037
19	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Thôn Chợ, Xã Thống Nhất, Quảng Ninh	5700466028	Mai Hồng Hải	989.857	1.083.149
20	Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Thôn Đê E, phường Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh	5700360871	Rizkie Agustiansyah Gaharu	1.175.783	1.286.599
21	Nhà máy Xi măng Bút Sơn, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Thôn Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình	0700117613	Đỗ Tiến Trình	2.453.235	2.684.448
22	Nhà máy Xi măng Hoàng Long, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	Thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	0700222569	Nguyễn Sỹ Tiệp	133.575	146.165
23	Nhà máy Xi măng Thành Thắng, Công ty Cổ phần Xi măng Thành Thắng	Thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	0700651198	Nguyễn Thị Bích Loan	6.853.859	7.499.822
24	Nhà máy Xi măng Vissai Hà Nam - DC2, Tập đoàn The Vissai	Thôn Đồng Ao, Xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình	0700507853	Đỗ Anh Tuấn	822.644	900.177
25	Nhà máy Xi măng Xuân Thành, Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	Thôn Bồng Lạng, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	0700576529	Vũ Quang Bắc	5.297.794	5.797.101
26	Dây chuyền 2 Nhà máy clinker, Tập đoàn The Vissai	Thôn Nam Công, Xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình	0700507853	Đỗ Anh Tuấn	714.977	782.362
27	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Khu Bích Nhôi 2, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng	0800004797	Lê Xuân Khôi	2.701.207	2.955.791
28	Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III	Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng	0800297991	Lê Khánh Bảo Long	357.054	390.705
29	Nhà máy Xi măng Chinfon, Công ty Xi măng Chinfon	Số 288, đường Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng	0200110200	Lo Lung - Too	2.907.941	3.182.009
30	Nhà máy Xi măng Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Vicem Hải Phòng	Tổ dân phố Chiến Thắng, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng	0200155219	Trần Văn Toan	1.217.320	1.332.050
31	Nhà máy Xi măng Vissai Ninh Bình, Tập đoàn The Vissai	Lô C7, cụm công nghiệp Gián Khẩu, xã Gia Trấn, tỉnh Ninh Bình	2700280638	Hoàng Mạnh Tùng	2.072.885	2.268.250
32	Công ty VICEM Xi măng Tam Điệp	Khu công nghiệp Tam Điệp I, phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	2700260173	Trần Anh Tuấn	1.242.230	1.359.308
33	Nhà máy Xi măng Bim Sơn, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Khu phố 7, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2800232620	Lê Huy Quân	2.510.131	2.746.706

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
34	Nhà máy Xi măng Long Sơn, Công ty TNHH Long Sơn	Xóm Trường Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2700271520-003	Trịnh Quang Hải	8.511.370	9.313.550
35	Nhà máy Xi măng Công Thanh, Tập đoàn Công Thanh	Thôn Tam Sơn, Xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	0304186356	Nguyễn Thị Hoàng Thi	499.301	546.359
36	Nhà máy Xi măng Nghi Sơn 2, Công ty Xi măng Nghi Sơn	Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2800464741	Ichizawa Kazuhiko	3.875.392	4.240.640
37	Nhà máy Xi măng Tân Thắng, Công ty Xi măng Tân Thắng	Xóm Bắc Thắng, Xã Quỳnh Thắng, tỉnh Nghệ An	2901132319	Văn Đình Quý	841.042	920.308
38	Nhà máy Xi măng Sông Lam 1, Tập đoàn The Vissai	Xã Lương Sơn, tỉnh Nghệ An	2900601487	Hoàng Minh Tuấn	4.681.235	5.122.432
39	Nhà máy Xi măng Sông Lam 2, Tập đoàn The Vissai	Km 62, Quốc lộ 7, xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An	2900325156	Hoàng Mạnh Khởi	507.149	554.947
40	Nhà máy Xi măng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Khối Tân Tiến, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	2900329295	Nguyễn Đình Dũng	1.290.862	1.412.524
41	Công ty Cổ phần Xi măng sông Gianh	Thôn Cương Trung C, xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị	3100946237	Supakit Phucharoensilp	1.137.938	1.245.186
42	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam	Thôn Xuân Hạ, xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị	3100405421	Supakit Phucharoensilp	727.399	795.955
43	Nhà máy Xi măng Vạn Ninh, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Thôn Ấng Sơn, Xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị	0400101235-003	Hoàng Xuân Thịnh	271.549	297.142
44	Công ty Hữu hạn Xi măng Luks	Số 30 Thống Nhất, phường Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	3300100875	Luk Jack Fung	354.936	388.387
45	Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	Thôn Cổ Xuân, phường Phong Điền, thành phố Huế	3300384306	Phạm Phước Hiền Hòa	1.254.493	1.372.727
46	Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	Tổ dân phố Đồng Râm, Xã Thanh Mỹ, thành phố Đà Nẵng	4001193087	Nguyễn Thị Thu	835.087	913.792
47	Nhà máy Xi măng Bình Phước, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên 1	Ấp Thanh Bình, phường An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0301446422-012	Lê Ngọc Tuấn	1.982.912	2.169.798
48	Nhà máy Xi măng Tây Ninh, Công ty cổ phần xi măng FICO Tây Ninh - Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	Ấp Cây Cầy, Xã Tân Hòa, tỉnh Tây Ninh	3900365922-003	Châu Ngọc Phúc	1.072.694	1.173.794
49	Nhà máy Xi măng Kiên Lương, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên 1	Quốc lộ 80, Khu phố Lò Bơm, Xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	0301446422-013	Lâm Hiện Đạt	2.045.386	2.238.159

STT	Tên nhà máy / cơ sở	Địa chỉ	Mã số thuế	Người đại diện pháp luật	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
					Năm 2025	Năm 2026
50	Nhà máy Xi măng INSEE, Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Liên tỉnh lộ 11, Xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	0300608568-001	Eamon John Ginley	1.505.630	1.647.533
51	Công ty TNHH Duyên Hà, Nhà máy Xi măng Duyên Hà	Thôn Hệ, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	0100520789-002	Phạm Văn Duyên	1.324.157	1.448.956
TỔNG HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH					243.082.392	268.391.454